TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HƯƠNG KHÊ** **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:01/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 14/01/2022
V/v "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯƠNG KHÊ, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Trọng Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Tiến; ông Trịnh Xuân Minh.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Bích Khuyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên toà*: Ông Nguyễn Đình Khoa - Kiểm sát viên.

Ngày 14/01/2022, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh mở lại phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 59/2021/TLST-HNGĐ ngày 03/08/2021 về việc "Xin ly hôn " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2021/QĐXXST-DS ngày 13/12/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 674/2021/QĐST-DS ngày 29/12/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị X; sinh năm 1979; địa chỉ: Xóm 10, xã Đ, huyện H, tỉnh H; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn Đ; sinh năm 1977; địa chỉ: Xóm 10, xã P, huyện H, tỉnh H; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh II; địa chỉ: Tổ dân phố 5, thị trấn Hương Khê, huyện Hương Khê, do ông Đặng Xuân H, chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh II đại diện theo ủy quyền; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/7/2021, bản tự khai ngày 06/8/2021 và tại phiên toà nguyên đơn chị Hoàng Thị X trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Xuân, anh Đ kết hôn vào ngày 28/7/1998 tại UBND xã P huyện H trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống

được khoảng 10 năm thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, lí do mâu thuẫn là vì anh Đ thường xuyên uống rượu say về nhà chửi bới, đánh đạp, đuổi chị X ra khỏi nhà. Mặc dù chị X đã nhiều lần khuyên nhủ, động viên, bỏ qua cho anh Đ nhưng mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống vợ chồng không hạnh phúc. Do đó chị X khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị X được ly hôn anh Đ.

- Về quan hệ con chung: Chị X, anh Đ có 02 người con chung, tên là Trần Thị T, sinh năm1999; Trần Văn Bảo A, sinh ngày 17/5/2016. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì chị X có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Trần Văn Bảo A, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con; còn đối với con chung là Trần Thị T vì con đã trưởng thành có gia đình riêng nên chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị X xác định chị Xuân và anh Đ gồm có các tài sản chung, cụ thể như sau:

+ Về đất gồm có 03 thửa: Thửa đất số 08, tờ bản đồ số 18, tại xóm 18 xã Phúc Đồng, huyện Hương Khê, diện tích đất 344,4m^2 (Nay thuộc thửa số 56, tờ bản đồ số 37, diện tích 488,7m^2 tại xóm 10, xã P, huyện H); Thửa đất số 54, tờ bản đồ số 37, tại xóm 10 xã P, huyện H, tỉnh H có diện tích 82.5m^2; Thửa đất số 110, tờ bản đồ số 37, tại xóm 10 xã P, huyện H, tỉnh H có diện tích 1217.0m^2 .

+ Về nhà: Trên thửa đất số 56 có 01 ngôi nhà gỗ 3 gian, xây bao và các công trình phụ trợ khác trên thửa đất này.

+ Về tài sản khác: 01 chiếc ô tô và 01 bộ máy xay xát lúa (đều đã qua sử dụng).

Đối với 01 chiếc ô tô và 01 bộ máy xay xát lúa thì vào ngày 22/9/2021, chị X làm đơn xin rút một phần nội dung đơn khởi kiện, không yêu cầu Tòa án chia vì chị X và anh Đ đã tự thỏa thuận được (đã tự bán chia tiền).

- Về nợ chung: Chị và anh Đ có nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện H, Hà Tĩnh II số tiền 200.000.000đ và nợ lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 3737LAV20204847 ngày 01/10/2020, mục đính để phát triển kinh tế gia đình.

Nay giải quyết ly hôn chị X có nguyện vọng được nhận quản lý, sử dụng thửa đất số 56, tờ bản đồ số 37, diện tích 488,7m^2 tại xóm 10, xã P và toàn bộ tài sản có trên thửa đất này để sau này chuyển nhượng cho con Trần Văn Bảo A; chị X nhận trả toàn bộ số nợ chung trên cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện H, Hà Tĩnh II. Còn đối với các tài sản khác thì chị X nhường cho anh Đ toàn quyền quản lý, sử dụng.

Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 08/9/2021 bị đơn Trần Văn Đ trình bày: Anh Đ nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án, biết các nội dung chị X yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên anh Đ không đồng ý ly hôn, cũng không đồng ý chia con chung và tài sản chung. Đối với nợ chung thì anh Đ không thừa nhận, việc chị X có vay nợ Ngân hàng thì chị X tự giải quyết, anh Đ không có liên quan.

Tại bản tự khai đề ngày 10/8/2021; Giấy đề nghị thu hồi nợ trước hạn, đề ngày 28/10/2021 và tại phiên tòa người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn II - Chi nhánh huyện H trình bày: Sự việc nguyên đơn trình bày có vay của nợ của Ngân hàng là đúng thực tế. Trong quá trình cho vay chị X và anh Đ có tín chấp bằng tài sản là thửa đất thuộc tờ bản đồ số 18, thửa 08 cấp ngày 22/5/2009, tại xóm 18 xã P, huyện H (Nay thuộc thửa số 56, tờ bản đồ số 37, tại xóm 10, xã P) và tài sản trên đất gồm nhà gỗ ba gian, xây bao và các công trình phụ trợ. Hiện nay Ngân hàng đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL956195, ngày 22/5/2009 mang tên anh Trần Văn Đ và chị Hoàng Thị X. Nay chị X yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Đ sẽ ảnh hưởng đến khả năng thu hồi nợ của Ngân hàng. Do đó, đề nghị Tòa án buộc chị X và anh Đ hoàn trả cho Ngân hàng tổng số tiền 210.478.712đ trong đó số tiền nợ gốc là 200.000.000đ và số tiền nợ lãi tính đến ngày 14/01/2021 là 10.478.712đ.

Ngày 24/9/2021, Tòa án nhân dân huyện Hương Khê phối hợp với UBND xã P, huyện H tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản của các đương sự, kết quả như sau:

- Về đất: Các bên đương sự hiện đang sử dụng 03 thửa đất:

+ Thửa đất số 56, tờ bản đồ số 37 tại xóm 10 xã P, huyện H, tỉnh Hà có diện tích 488.7m^2; đối với thửa đất này đã được UBND huyện Hương Khê cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL956195, ngày 22/5/2009 mang tên anh Trần Văn Đ và chị Hoàng Thị X.

+ Thửa đất số 54, tờ bản đồ số 37, tại xóm 10 xã P, huyện H, tỉnh H có diện tích 82.5m^2. Hiện nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

+ Thửa đất số 110, tờ bản đồ số 37, tại xóm 10 xã P, huyện H, tỉnh H có diện tích 1217.0m^2 . Hiện nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Về nhà: Trên thửa đất số 56, tờ bản đồ số 37 tại xóm 10 xã P, huyện H, tỉnh H có các tài sản sau:

+ Nhà khung gỗ nhóm 5-6; chiều cao cột cái 3,6m; đường kính cột cái 18cm; mái lợp ngói 22v/ m^2 (bao gồm phần xây móng, bó nền, tôn nền, lót nền, láng nền); lát nền bằng gạch liên danh có diện tích: 10.2*6=61.2m^2

+ Trần gỗ xoan đâu, de đã có sơn PU diện tích: 6,3 x 5,4 m + 0,45 x 6=36.72m^2

+ Khung ngoại gỗ nhóm IV, tiết diện khung 6x8 cm dài: 2,6x2+2,87+2,6x2+2,97 = 16,2m^2

+ Cửa đi bằng ván gỗ de diện tích: (2,7x2,55)+(2,8x2,55)=14m^2

+ Vách thưng bằng gỗ nhóm V-VI diện tích: (2.87x0.65)+(2.97x0.65)+(2.86x3.25)=13m^2

+ Tường xây bằng xây gạch 4-6 lỗ 150, bổ trụ 220 khoảng cách 3,5m, trát 2 mặt VXM mác 50 quét vôi ve 2 mặt diện tích: (5,8 x4,2+2,2*3,3)x2+(10,2x3)= 93,84m^2

+ Mái che: Cột BTCT, khung sườn bằng gỗ nhóm IV, lợp Fibro; diện tích (8,3 x 10,2)= 84,6m^2

+ Sân bê tông đá dăm, đá cuội sỏi dày 5cm, mác 200 diện tích: (8,3x10,2)= 84,6m^2

+ Mái che có kết cấu dạng con sơn (không cột), lợp fibro diện tích: (10,2x2,2)= 22,4m^2

+ Công trình liền kề Móng xây gạch đá, tường xây táp lô 110 hoặc xây đá, cao hộc 2,6m, cửa gỗ nhóm V, tường quét vôi ve, nền láng xi măng, mái fibro diện tích: 6x3=18 m^2

+ Hàng rào B40 hàn khung thép hộp hoặc thép ống diện tích: (2,7 x 1,7) + (2,6 x 2,8) + (3,1 x 1,7) + (3,4 x 1,7) + (3,4 x 1,7) = 28,7m^2

+ Cột cổng loại không có mái : Móng xây đá hộc kết hợp BTCT, thân xây gạch, trụ có lõi BTCT, VXM, trát vữa XM, không đắp phào chỉ, không quét sơn diện tích: (0,42+0,42)x2,7+0,72x0,33x3= 2,9m^2

+ Tường xây bằng xây táp lô 150, bổ trụ 220 khoảng cách 3,5m, trát 2 mặt VXM mác 50 quét vôi ve 2 mặt diện tích: 0,4x10,2= 4,08m^2

+ Nền bê tông đá dăm, đá cuội sỏi dày 10cm, mác 200 diện tích: (8,3x2+10,2)= 26,8m^2

- Về tài sản khác:

+ 05 cây Bưởi: Loại trồng trên 4 năm đã có quả dưới 20 quả/năm

+ 02 cây Dừa: Loại đã có quả ổn định đến 20 quả/năm

+ 01 cây Nhãn:Loại trồng trên 4 năm chưa có quả.

+ 01 cây Xoan: Đường kính 10cm.

Căn cứ biên bản định giá tài sản ngày 25/11/2021, Hội đồng định giá tài sản xác định tổng trị giá của các tài sản, cụ thể như sau:

+ Thửa đất số 56, tờ bản đồ số 37 tại xóm 10 xã Phúc Đồng, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh, trị giá 58.600.830đ;

+ Thửa đất số 54, tờ bản đồ số 37, tại xóm 10 xã Phúc Đồng, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh, trị giá: 3.968.250đ;

+ Thửa đất số 110, tờ bản đồ số 37, tại xóm 10 xã Phúc Đồng, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh, trị giá: 58.537.700đ;

+ Nhà khung gỗ, xây bao, trị giá: 84.566.160đ;

+ Trần gỗ, trị giá: 16.382.444,4đ;

+ Khung ngoại gỗ, trị giá: 2.298.051đ;

+ Cửa đi bằng ván gỗ de, trị giá: 22.262.415đ;

+ Ván thưng bằng gỗ nhóm 5-6, trị giá: 1.605.240đ;

+ Tường xây bằng gạch, trị giá: 27.726.904,8đ;

+ Mái che cột BTCT, lợp fibro, trị giá: 14.550.354đ;

+ Sân bê tông đá dăm, đá cuội, trị giá: 14.425.992đ;

+ Mái che lợp fibro, trị giá: 3.655.880đ;

+ Công trình liền kề: Móng xây gạch đá, tường xây, cửa gỗ nhóm 5, nền láng xi măng, mái lợp fibro, trị giá: 20.612.340đ;

+ Hàng rào B40, trị giá: 3.754.821đ;

+ Cổng, trị giá: 12.759.159đ;

+ Tường xây, trị giá: 1.121.551,2đ;

+ Nền bê tông, trị giá: 5.515.440đ;

+ 05 cây bưởi, trị giá: 9.000.000đ;

+ 02 cây dừa, trị giá: 1.000.000đ;

+ 01 cây nhãn, trị giá: 280.000đ

+ 01 cây xoan đâu, trị giá: 18.000đ.

Tổng trị giá tài sản, làm tròn là 362.641.000đ.

Ngày 04/11/2021, Tòa án đã tiến hành xác minh tại UBND xã Phúc Đồng về nguồn gốc 02 thửa đất hiện nay các đương sự đang sử dụng, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Chính quyền địa phương cung cấp thông tin về thửa đất số 110, tờ bản đồ số 37 nguồn gốc là do chị X, anh Đ mua lại của anh Trần Văn S, là người cùng thôn; thửa đất số 54, tờ bản đồ số 37 nguồn gốc là do chị X, anh Đ mua lại của bà Trần Thị H, là người cùng thôn; 02 thửa đất trên thuộc quy hoạch khu dân cư, hiện không có tranh chấp, đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị X, anh Đ.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự nhưng bị đơn anh Trần Văn Đ không thực hiện theo thông báo của Tòa án nên không tiến hành hòa giải được. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát, kiểm sát việc tuân theo pháp luật có ý kiến như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi Tòa án tiến hành thụ lý đơn, giải quyết vụ án cho đến phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS, nguyên đơn, thực hiện đầy đủ các quy định pháp luật. Tuy nhiên bị đơn trong quá trình giải quyết cũng như vắng mặt tại phiên tòa là chưa chấp hành đầy đủ việc tuân theo pháp luật.

Về ý kiến giải quyết nội dung vụ án:

- Về quan hệ vợ chồng: Đề nghị HĐXX chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Hoàng Thị X được ly hôn với anh Trần Văn Đ theo Luật hôn nhân và gia đình.

- Về quan hệ con chung: Căn cứ nguyện vọng, điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con của chị X; đề nghị giao con chung là Trần Văn Bảo A, sinh ngày 17/5/2016 cho chị Hoàng Thị X trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành. Chị Hoàng Thị X không yêu cầu anh Trần Văn Đ cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung:

+ Giao cho chị Hoàng Thị X sử dụng các tài sản bao gồm: 01 thửa đất thuộc tờ bản đồ 37 thửa 56 tại xóm 10 xã P(theo kết quả thẩm định ngày 25/11/2021 có diện tích 488,7m^2; Nhà khung gỗ 3 gian xây bao và tài sản trên đất tổng giá trị tài sản là 300.134.710đ).

+ Giao cho chị X có trách nhiệm trả toàn bộ tiền nợ cho Ngân hàng theo Hợp đồng số: 3707LAV 202004847 ngày 01/10/2020, tính đến ngày xét xử (14/01/2022) là : 210.478.712đ.

+ Tạm giao cho anh Trần Văn Đ sử dụng tài sản gồm: 02 thửa đất thuộc tờ bản đồ 37 thửa 110, có diện tích 1217,0m^2, đất trồng cây lâu năm trị giá: 58.537.700đ và thửa đất thuộc tờ bản đồ 37 thửa 54, có diện tích 82,5m^2, đất trồng cây lâu năm trị giá: 3.968.250đ, đều tại xóm 10 xã P, huyện H, tỉnh H (cả 02 thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Tổng trị giá 02 thửa đất là: 62.505.950đ. Anh Trần Văn Đ được quyền trực tiếp gặp các cơ quan có thẩm quyền để được làn thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Chị Hoàng Thị X phải có trách nhiệm phụ chia tài sản cho anh Trần Văn Đ với số tiền là: 13.575.194đồng.

- Về án phí: Buộc 2 vợ chồng phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận thấy.

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn chị Hoàng Thị X có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hương Khê giải quyết ly hôn với bị đơn anh Trần Văn Đ, có nơi cư trú tại xóm 10, xã P, huyện H, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hương Khê theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, anh Đ đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp, phiên hòa giải nhưng không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa ngày 29/12/2021 bị đơn anh Đ vắng mặt không rõ lý do, căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa lần thứ nhất. Tòa án đã thực hiện việc tống đạt Quyết định hoãn phiên tòa, triệu tập hợp lệ các đương sự theo đúng quy định tại Điều 177

Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ngày hôm nay bị đơn anh Đ tiếp tục vắng mặt không rõ lý do, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Đ theo điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị X và anh Trần Văn Đ có đăng ký kết hôn vào ngày 28/7/1998 tại Ủy ban nhân dân xã Phúc Đồng, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị X và anh Đ là hợp pháp. Theo chị X trình bày sau khi kết hôn chị X, anh Đ chung sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, do không thể hòa giải được nên chị X cùng con trai tạm thời về nhà cha mẹ đẻ của chị X ở từ tháng 6 năm 2021cho đến nay. Nguyên nhân nảy sinh mâu thuẫn là vì anh Đ sống không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên nhậu nhẹt, bỏ bê vợ con, thậm chí còn uống rượu say về nhà chửi bới, đánh đập, đuổi chị X ra khỏi nhà. Mặc dù chị X đã nhiều lần nhẫn nhịn cũng như sự việc đã được gia đình nội ngoại hai bên và chính quyền địa phương hòa giải, khuyên nhủ nhiều lần nhưng không thành.

Quá trình giải quyết tại Tòa án anh Đ không quan tâm, không đến Tòa án để giải quyết và hòa giải, chị X và anh Đ đã sống ly thân từ lâu. Điều này chứng tỏ hôn nhân giữa chị X và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Xét thấy việc chị X làm đơn xin ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên cần chấp nhận, đồng ý cho chị X được ly hôn với anh Đ.

[3] Về quan hệ con chung: Các bên đương sự có 02 người con chung. Con thứ nhất tên là Trần Thị T, sinh năm1999 vì đã trưởng thành và có gia đình riêng nên chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết; con thứ hai tên là Trần Văn Bảo A, sinh ngày 17/5/2016, lâu nay chị X trực tiếp nuôi dưỡng, nay chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Từ khi chị X và anh Đ ly thân cho đến nay cháu A do chị X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, con phát triển khỏe mạnh, bình thường. Xét điều kiện hoàn cảnh của anh Trần Văn Đ hiện nay không có công ăn việc làm ổn định, thường xuyên uống rượu. Tại phiên tòa chị X trình bày là chị đủ điều kiện về mọi mặt để nuôi con trưởng thành. Việc chị X nhận trực tiếp nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, con còn nhỏ (5 tuổi); phù hợp với đề nghị của Kiểm sát viên tham gia tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 58; khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung là Trần Văn Bảo A, sinh ngày 17/5/2016 cho X trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) là phù hợp. Chị X không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử miễn xét. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản, cũng như không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị X.

[4] Về tài sản chung: Quá trình thu thập tài liệu chứng cứ, tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, Hội đồng xét xử xác định tài sản chung của chị X và anh Đ trong thời kỳ hôn nhân gồm có:

+ Thửa đất số 56, tờ bản đồ số 37 tại xóm 10 xã P, huyện H, tỉnh H (Trước đây là thửa đất số 08, tờ bản đồ số 18, tại xóm 18 xã Phúc Đồng, huyện Hương Khê, có diện tích 344,4m^2 , theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL956195, ngày 22/5/2009 mang tên anh Trần Văn Đ và chị Hoàng Thị X, nay có diện tích 488,7m^2, diện tích lớn hơn này đều nằm trong khuôn viên đã được cấp đất, các hộ liền kề không có sự tranh chấp), trị giá 58.600.830đ; nhà khung gỗ, xây bao và các công trình phụ trợ khác có trên thửa đất số 56, trị giá 241.533.880đ.

+ Thửa đất số 54, tờ bản đồ số 37, diện tích 82.5m2, tại xóm 10 xã P, huyện H, tỉnh H, trị giá: 3.968.250đ;

+ Thửa đất số 110, tờ bản đồ số 37, diện tích 1217.0m^2 tại xóm 10 xã P, huyện H, tỉnh H, trị giá: 58.537.700đ;

Tổng trị giá tài sản, làm tròn là 362.641.000đ.

[5] Về nợ chung: Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/9/2021, anh Đ không thừa nhận và cho rằng khoản nợ theo hợp đồng tín dụng số 3737LAV20204847 với Ngân Hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Hương Khê, Hà Tĩnh II chỉ có chị Xuân ký vay thì chị X tự giải quyết, anh Đ không liên quan. Hội đồng xét xử thấy: Vào ngày 01/10/2020 anh Trần Văn Đ đã ủy quyền cho chị Hoàng Thị X thay mặt, nhân danh anh Đ xác lập, thực hiện các giao dịch liên quan đến việc vay vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Hương Khê, Hà Tĩnh II - PGD Phúc Đồng theo hợp đồng ủy quyền số PDONG-16/UQ, được UBND xã Phúc Đồng chứng thực là hợp pháp. Do đó, việc cùng ngày chị Hoàng Thị X và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Hương Khê, Hà Tĩnh II - PGD Phúc Đồng ký kết hợp đồng tín dụng số 3737LAV20204847 để vay số tiền 200.000.000đ, thời hạn vay 36 tháng, mục đích vay trồng và chăm sóc cây cam, cho vay không bảo đảm tài sản là hợp pháp.

Xét thấy khoản nợ trên được vay trong thời kỳ hôn nhân của anh Đ và chị X, có mục đích để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình, việc anh Đ cho rằng đó là khoản nợ riêng của chị X là không có căn cứ. Do đó, xác định đây là khoản nợ chung của chị X và anh Đ, căn cứ vào Điều 30, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 466 Luật Dân sự cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Hương Khê, Hà Tĩnh II buộc chị X và anh Đ trả tổng số tiền 210.478.712đ, trong đó tiền nợ gốc là 200.000.000đ, tiền lãi trong hạn là 10.411.396đ, tiền lãi quả hạn phân kỳ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (14/01/2022) là 67. 316đ.

[6] Về chia tài sản chung và nghĩa vụ nợ chung: Xét nguyện vọng của chị X được nhận quản lý, sử dụng thửa đất số 56, tờ bản đồ số 37, diện tích 488,7m^2 tại xóm 10, xã P (Trị giá 58.600.830đ) và toàn bộ tài sản có trên thửa đất này (Trị giá 241.533.880đ) và chị X nhận trả toàn bộ số nợ chung trên cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Hương Khê, Hà Tĩnh II. Hội đồng xét xử thấy nhà ở và các công trình phụ trợ trên thửa đất số 56 đều đã được xây dựng kiên cố, khép kín nếu chia ra sẽ mất trị giá sử dụng thậm chí

không còn trị giá sử dụng; nguyện vọng của chị X là hoàn toàn chính đáng, đảm bảo cho việc trả nợ. Do đó, cần giao tài sản là thửa đất số 56 và các tài sản có trên thửa đất này cho chị X quản lý, sử dụng; chị X có nghĩa vụ trả toàn bộ tiền nợ cho Ngân hàng với số tiền gốc và lãi: 210.478.712đ. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, chị X tiếp tục phải chịu tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận đã ký kết trong Hợp đồng tín dụng số dụng số 3737LAV20204847 ngày 01/10/2020.

Đối với các tài sản chung còn lại là: Thửa đất số 110, thuộc tờ bản đồ 37, có diện tích 1217,0m^2, tại xóm 10 xã P, huyện H, trị giá: 58.537.700đ và thửa đất số 54, thuộc tờ bản đồ 37, có diện tích 82,5m^2, tại xóm 10 xã P, huyện H, trị giá: 3.968.250đ. Hội đồng xét xử thấy cần tạm giao cho anh Đ quản lý, sử dụng là phù hợp. Vì cả 02 thửa đất số 110 và thửa đất số 54, thuộc tờ bản đồ số 37, tại xóm 10, xã P chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, về nguồn gốc đất do 2 vợ chồng mua lại của người dân khác, đất thuộc quy hoạch khu dân cư và đủ điều kiện được cấp giấy chưng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, anh Trần Văn Đ được quyền trực tiếp gặp các cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Theo nguyên tắc tài sản được chia bằng hiện vật, nếu không chia được bằng hiện vật thì phải phụ chia phần chênh lệch cho nhau. Tài sản chung của chị X và anh Đ có trị giá là 362.641.000đ trừ nợ chung là 210.478.712đ, trị giá tài sản chung còn lại là 152.162.288đ, chia $^1/_2$ trị giá tài sản chung cho chị X, anh Đ, mỗi người được nhận 76.081.144đ. Do tổng trị giá tài sản anh Đ được nhận có trị giá 62.505.950đ nên chị X còn phải phụ chia phần chênh lệch cho anh Đ là 13.575.194đ.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS năm 2015, điểm a, b khoản 1 Điều 24; điểm a, b Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và điểm b mục 1.1 phần II danh mục kèm theo Nghị quyết.

- Chị Hoàng Thị X nhận nộp 300.000 án phí ly hôn; 3.804.057đ án phí chia tài sản (Cách tính 76.081.144đ x 5%) và 5.261.967đ án phí trả nợ chung (Cách tính (210.478.700 x 5%) / 2). Tổng cộng chị X phải nộp 9.366.024đ, chị đã nộp 300.000đ tại Chi cục Thi hành án huyện Hương Khê theo biên lai số AA/2019/0004680 ngày 02/8/2021 nay còn phải nộp tiếp là 9.066.024đ.

- Anh Trần Văn Đ phải chịu 3.804.057đ án phí chia tài sản (Cách tính 76.081.144đ x 5%) và 5.261.967đ án phí trả nợ chung (Cách tính (210.478.700 x 5%) / 2). Tổng cộng anh Đ phải nộp 9.066.024đ,

- Trả lại cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền 5.056.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 0007764 ngày 03/11/2021 tại Chi cục Thi hành án huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh.

- Về chi phí thẩm định và định giá tài sản là 6.650.000đ, chị Hoàng Thị X nhận nộp toàn bộ chi phí thẩm định và định giá tài sản. Chị đã nộp đầy đủ số tiền này nên không phải nộp nữa.

[8] Quan điểm đề xuất giải quyết vụ án của Vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, đúng quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 165, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 207, Điều 213, Điều 219, Điều 220, Điều 357, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 27, 30, 33, 37, 38, 56, 57, 58, và Điều 59, khoản 1, khoản 2 Điều 81, khoản 1, 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a, b khoản 1 Điều 24; điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và điểm b mục 1.1 phần II danh mục kèm theo Nghị quyết. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị X được ly hôn anh Trần Văn Đ.

2. Về con chung: Giao con chung là Trần Văn Bảo A, sinh ngày 17/5/2016 cho chị Hoàng Thị X trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Hoàng Thị X không yêu cầu anh Trần Văn Đ cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Văn Đ có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản, cũng như không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Hoàng Thị X.

3. Về chia tài sản chung:

3.1. Giao cho chị Hoàng Thị X quản lý, sử dụng các tài sản: Thửa đất số 56, tờ bản đồ số 37, có diện tích thực tế là 488,7m^2 tại xóm 10 xã P, huyện H, tỉnh Hà T, có trị giá 58.600.830đ và toàn bộ tài sản có trên thửa đất trên, trị giá 241.533.880đ. Tổng tài sản chị X được nhận có trị giá là 300.134.710đ. *(Có sơ đồ kèm theo).*

3.2. Tạm giao cho anh Trần Văn Đ sử dụng tài sản: Thửa đất số 110, thuộc tờ bản đồ 37, có diện tích 1217,0m^2, tại xóm 10 xã P, huyện H, trị giá: 58.537.700đ và thửa đất số 54, thuộc tờ bản đồ 37, có diện tích 82,5m^2, tại xóm 10 xã P, huyện H, trị giá: 3.968.250đ. Tổng tài sản anh Đ được nhận có trị giá là 62.505.950đ. Anh Trần Văn Đ được quyền trực tiếp gặp các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định. *(Có sơ đồ kèm theo).*

3.3 Buộc chị Hoàng Thị X giao cho anh Trần Văn Đ số tiền chênh lệch chia tài sản là 13.575.194đ.

4. Về nghĩa vụ trả nợ: Buộc chị Hoàng Thị X có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Hương Khê, Hà Tĩnh II số tiền 210.478.712đ. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (14/01/2022), chị Hoàng Thị X tiếp tục phải chịu tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký số 3737LAV20204847 ngày 01/10/2020.

5. Về án phí và chi phí tố tụng:

5.1 Chị Hoàng Thị X phải chịu 300.000 án phí ly hôn; 3.804.057đ án phí chia tài sản và 5.261.967đ án phí trả nợ chung. Tổng cộng chị X phải nộp 9.366.024đ, chị đã nộp 300.000đ tại Chi cục Thi hành án huyện Hương Khê theo biên lai số AA/2019/0004680 ngày 02/8/2021 nay còn phải nộp tiếp là 9.066.024đ.

5.2 Anh Trần Văn Đ phải chịu 3.804.057đ án phí chia tài sản và 5.261.967đ án phí trả nợ chung. Tổng cộng anh Đ phải nộp 9.066.024đ.

5.3 Trả lại cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền 5.056.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 0007764 ngày 03/11/2021 tại Chi cục Thi hành án huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh.

5.4 Về chi phí thẩm định và định giá tài sản là 6.650.000đ, chị Hoàng Thị X nhận nộp toàn bộ chi phí thẩm định và định giá tài sản. Chị đã nộp đầy đủ số tiền này nên không phải nộp nữa.

6. Quyền và nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án thì người phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện Hương Khê;
- Các đương sự;
- UBND xã Phúc Đồng;
- Chi cục THADS huyện Hương Khê;
- Lưu hồ sơ +VP-TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã Ký)

Lê Trọng Hùng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Văn Tiến **Trịnh Xuân Minh** **Lê Trọng Hùng**